



Xây dựng chuẩn mực cho hệ thống ngân hàng Việt Nam trong quá trình hội nhập

TRẦN HOÀNG NGÂN (*) & NGUYỄN THỊ THUỖ LINH (**)

Vào ngày 7.11.2006, tại Geneva, Thụy Sĩ, đã diễn ra trọng thể lễ ký Nghị định thư về việc VN được chính thức trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức thương mại thế giới (WTO), sau 11 năm tham gia các cuộc đàm phán cả song phương lẫn đa phương với tất cả các thành viên WTO. Gia nhập WTO, VN đã bắt đầu một giai đoạn mở cửa thị trường và hội nhập thực sự. Đối với thị trường dịch vụ ngân hàng cũng không là ngoại lệ và là lĩnh vực hội nhập sâu và rộng nhất. Trong giai đoạn đầu, VN phải thực hiện một số cam kết và thực hiện các nghĩa vụ theo tiến trình hội nhập.

Để thúc đẩy phát triển kinh tế, triển khai thực hiện các cam kết WTO, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 16/2007/NQ-CP ngày 27.2.2007 về Chương trình hành động nhằm thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 Ban chấp hành trung ương Đảng khoá X về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi VN là thành viên của WTO. Trên cơ sở Chương trình hành động này, Ngân hàng Nhà nước VN cũng đang xây dựng Chương trình hành động của ngành ngân hàng thực hiện các cam kết WTO. Tuy nhiên với hệ thống ngân hàng thương mại (NHTM) VN hiện nay gồm: 5

NHTM nhà nước, 5 ngân hàng liên doanh, 35 NHTM cổ phần, 37 chi nhánh ngân hàng nước ngoài và còn tiếp tục gia tăng. Vì vậy việc tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa các NHTM là rất cần thiết trong xu thế hội nhập hiện nay và nhất là việc xây dựng những chuẩn mực cho hệ thống ngân hàng theo thông lệ quốc tế, theo chúng tôi là cấp thiết hiện nay.

Hiệp ước Basel

Vào những năm 1980, hệ thống NHTM trên thế giới phát triển mạnh và có những dấu hiệu cạnh tranh không lành mạnh giữa các ngân hàng. Đồng thời, quy định về vốn điều lệ của các NHTM ở các nước khác nhau, nên dẫn đến cạnh tranh không công bằng trong cùng một thị trường, đây là điều cấm kỵ trong cơ chế hội nhập. Vì vậy lãnh đạo ngân hàng của các nước phát triển đã ngồi lại với nhau để tìm ra giải pháp thích hợp vừa khuyến khích cạnh tranh nhưng đảm bảo công bằng và an toàn cho người gửi tiền, đó là một trong những lý do quan trọng cho sự ra đời Hiệp ước Basel. Hiệp ước Basel Capital Accord đầu tiên được ký kết vào năm 1988 bởi một nhóm đại diện ngân hàng trung ương của 10 quốc gia (hầu hết là các

(*) Phó giáo sư, Tiến sĩ (**) Thạc sĩ Đại học kinh tế TP.HCM

Thống đốc ngân hàng trung ương). Mục đích của Hiệp ước Basle I là làm hài hòa các tiêu chuẩn về vốn của ngân hàng quốc tế nhằm tăng cường sự ổn định của hệ thống ngân hàng quốc tế và xóa bỏ việc cạnh tranh không công bằng giữa các ngân hàng quốc tế. Tuy nhiên, Hiệp ước Basle I chỉ cung cấp một thước đo duy nhất về rủi ro và vốn cho các ngân hàng đang hoạt động trên qui mô quốc tế, thông qua chỉ tiêu Vốn tự có trên tài sản có điều chỉnh theo rủi ro (CAR $\geq 8\%$) mà không xem xét đến tính chất rủi ro khác nhau của những ngân hàng, của các khoản cho vay, và nhiều yếu tố khác. Mặc dù vậy, vẫn có hơn 100 quốc gia thực hiện Hiệp ước Basle I và góp phần nâng cao công tác quản trị rủi ro của các ngân hàng tốt hơn.

Qua thời gian, việc áp dụng Basle I cũng chưa thể giúp các nước ngăn chặn khủng hoảng tài chính tiền tệ, mà cụ thể là tại nước Mỹ đã trải qua hàng loạt thất bại trong lĩnh vực ngân hàng vào cuối thập niên 80 và 90 của thế kỷ XX; và các ngân hàng lớn ở Nhật đã phải chịu đựng nhiều khó khăn trong hơn một thập kỷ và những cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ đã diễn ra liên tiếp ở châu Á và Nam Mỹ vào những năm 90.

Vì thế, Hiệp ước Basle II ra đời vào tháng 01 năm 2001 có hiệu lực vào cuối năm 2006 sẽ thay thế Hiệp ước Basle I năm 1988. Hiệp ước Basle II nhấn mạnh đến việc kiểm soát nội bộ trong các ngân hàng, tăng cường sự linh hoạt trong việc quản lý rủi ro và chú ý hơn đến độ nhạy cảm rủi ro. Hiệp ước đã chỉ ra cụ thể về khái niệm cũng như cách đo lường các loại rủi ro như rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường và rủi ro hoạt động.

So với hiệp ước Basle I, Basle II được xem là thể hiện một sự linh động hơn đối với việc xử lý các tình huống khác nhau để xác định nhu cầu vốn tối thiểu cho từng khoản mục tài sản có rủi ro của các NHTM, đồng thời những tiêu chuẩn do hiệp ước Basle II đưa ra cũng có mức độ nhạy cảm hơn với rủi ro thông qua xử lý các biến xác suất và kỳ vọng. Hiệp ước Basle II tạo một bước hoàn thiện hơn trong việc xác định tỷ lệ an toàn vốn nhằm khắc phục các hạn chế của Basle I và khuyến khích các ngân hàng thực hiện phương pháp quản trị rủi ro tiên tiến hơn.

Hiệp ước Basle II đưa ra một loạt các phương án lựa chọn, cho phép quyền tự quyết rất lớn trong giám sát hoạt động ngân hàng. Hiệp ước Basle II bao gồm một loạt các chuẩn mực giám sát nhằm hoàn thiện các kỹ thuật quản trị rủi ro và được cấu trúc theo 3 cấp độ:

Cấp độ I (Pillar I): Quy định yêu cầu tỷ lệ vốn tối thiểu đối với rủi ro tín dụng và rủi ro hoạt động.

Cấp độ II (Pillar II): Đưa ra các hướng dẫn liên quan đến quá trình giám sát.

Cấp độ III (Pillar III): Yêu cầu các ngân hàng cung cấp thông tin cơ bản liên quan đến vốn, rủi ro để đảm bảo khuyến khích các nguyên tắc của thị trường.

Xét về phạm vi áp dụng nói chung của Basle II sẽ rộng hơn so với Basle I, bao gồm không chỉ các ngân hàng quốc tế mà cả các công ty mẹ, hay thay đổi định nghĩa về tài sản điều chỉnh theo rủi ro. Đối với rủi ro tín dụng, nếu như Basle I đưa ra một phương pháp chung thì Basle II lại đưa ra các lựa chọn.

Bảng 1: Nhân tố căn bản của Basle II so với Basle I

Basle I	Basle II
Chỉ tập trung vào việc đo lường một loại rủi ro duy nhất (đó là rủi ro tín dụng).	Tập trung nhiều hơn vào phương pháp đánh giá nội bộ của bản thân mỗi ngân hàng, quy trình giám sát và các quy tắc thị trường.
Có một phương pháp duy nhất áp dụng cho tất cả các trường hợp (one size fits all).	Linh động hơn, có nhiều phương pháp để các ngân hàng lựa chọn, hướng đến việc quản trị rủi ro tốt hơn.
Dựa trên cấu trúc theo diện trải rộng.	Nhạy cảm hơn với rủi ro.

Áp dụng tại VN

Đối với hệ thống NHTM VN, theo nhận định chung của các chuyên gia trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng, hiện nay chúng ta vẫn đang ở những bước đầu tiên trong quá trình áp dụng những chuẩn mực quốc tế vào việc xây dựng một hệ thống an toàn, giảm thiểu rủi ro trong quá trình hoạt động.

Theo kết quả khảo sát hệ thống NHTM VN do Công ty tư vấn Ernst & Young thực hiện năm 2006 để đánh giá mức độ tuân thủ các nguyên tắc cơ bản về giám sát ngân hàng của Ủy ban giám sát ngân hàng quốc tế Basel, có 9/25 nguyên tắc phần lớn không tuân thủ, 1/25 nguyên tắc tuân thủ, 2/25 nguyên tắc không thực hiện phần lớn và 3/25 nguyên tắc không áp dụng. Trong đó, hầu hết các nguyên tắc liên quan đến điều kiện tiên quyết bảo đảm giám sát ngân hàng hữu hiệu (mục tiêu, nhiệm vụ, tính độc lập, khung pháp lý, quyền lực, hệ thống thông tin của cơ quan giám sát ngân hàng), cấp phép và chấp thuận thay đổi cấu trúc ngân hàng, các qui định an toàn hoạt động, phương pháp giám sát ngân hàng liên tục được đánh giá không tuân thủ.

Hệ thống NHTM VN hiện nay đang áp dụng theo phương pháp đánh giá rủi ro tín dụng dựa trên Hiệp ước Basle I. Nhờ những quy định từ hiệp ước này, các ngân hàng có cơ sở để đánh giá tương đối về mức độ rủi ro cũng như tính toán được yêu cầu vốn tối thiểu đối phó rủi ro tín dụng. Bên cạnh đó, hoạt động thanh tra, giám sát của Ngân hàng Nhà nước đang đặt mục tiêu sẽ vận dụng đầy đủ các qui tắc giám sát của Basle I trước năm 2010. Điều này chứng tỏ rằng cơ quan giám sát và các ngân hàng trong hệ thống NHTM VN luôn ý thức được tầm quan trọng của việc điều chỉnh hoạt động theo Hiệp ước quốc tế Basel.

Nhiều cơ quan quản lý và giám sát ngân hàng ở các

nước đang phát triển đã thực hiện chuẩn mực vốn của Hiệp ước Basle I và sẵn sàng triển khai Basel II trước năm 2010. Trong khi đó, VN mới thực hiện một phần Basle I về rủi ro tín dụng và dự kiến đến hết năm 2010 mới thực hiện đầy đủ Basel I. Như vậy, hệ thống NHTM VN sẽ phải chuẩn bị một thời gian trước khi áp dụng các chuẩn mực của Basel II. Điều này hoàn toàn hợp với đánh giá khách quan của hơn 90% các nhà quản trị NHTM VN trong cuộc khảo sát ý kiến. Các chuyên gia này đã cho rằng những phương pháp đo lường rủi ro của Basel II cần thời gian tương đối dài để có thể vận dụng vào VN.

Cam kết WTO

Theo lộ trình hội nhập đã cam kết trong Hiệp ước thương mại Việt Mỹ, lộ trình hội nhập AFTA và những cam kết khi VN gia nhập WTO đến năm 2010 về cơ bản VN phải thực hiện mở cửa hoàn toàn trong lĩnh vực ngân hàng, các hạn chế đối với NHTM cần được dỡ bỏ. Điều này làm cho thị trường tài chính VN nhanh chóng trở thành một phần của thị trường quốc tế, sân chơi của các NHTM VN trở nên rộng hơn và luật chơi mới sẽ công bằng hơn. Bên cạnh đó, việc mở cửa thị trường tài chính sẽ làm tăng mức độ cạnh tranh, khiến các NHTM VN đối mặt với nhiều rủi ro và dễ bị tổn thương hơn.

Cụ thể, đối với các cam kết nói chung và lộ trình mở cửa dịch vụ tài chính – ngân hàng, các cam kết của VN về loại hình dịch vụ ngân hàng và tài chính mà các tổ chức tín dụng nước ngoài cung cấp tại VN là rất phong phú và đa dạng, bao gồm hầu hết các dịch vụ của một ngân hàng hiện đại. Trong đó có một số dịch vụ chỉ mới được thực hiện ở VN như nghiệp vụ Swaps, Forward, hoặc chưa từng được thực hiện ở VN như nghiệp vụ quản lý đầu tư tập thể, quản lý quỹ hưu trí, cung cấp và xử lý dữ liệu tài chính và các phần mềm của nhà cung cấp các dịch vụ tài chính khác...

Theo như cam kết, ngành ngân hàng sẽ được mở cửa theo lộ trình sau:

- Ngân hàng nước ngoài chỉ được phép thiết lập hiện diện thương mại tại VN dưới các hình thức sau: văn phòng đại diện, chi nhánh NHTM nước ngoài, NHTM liên doanh trong đó có tỷ lệ góp vốn của bên nước ngoài không vượt quá 50% vốn điều lệ của ngân hàng liên doanh và kể từ ngày 1 tháng 4 năm 2007, ngân hàng 100% vốn nước ngoài được phép thành lập.

Cam kết của VN về lộ trình thực hiện trong lĩnh vực dịch vụ ngân hàng, tài chính không phải là dài (5 năm) và không phải giống nhau ở các lĩnh vực hoạt động. Trong vòng 5 năm kể từ khi gia nhập, VN có thể hạn chế quyền của một chi nhánh ngân hàng nước ngoài được nhận tiền gửi bằng đồng VN từ các thể nhân VN mà ngân hàng không có quan hệ tín dụng

- Theo tỷ lệ trên mức vốn được cấp của chi nhánh

phù hợp với lộ trình sau:

- Ngày 1 tháng 1 năm 2007: 650% vốn pháp định được cấp.

- Ngày 1 tháng 1 năm 2008: 800% vốn pháp định được cấp.

- Ngày 1 tháng 1 năm 2009: 900% vốn pháp định được cấp.

- Ngày 1 tháng 1 năm 2010: 1.000% vốn pháp định được cấp.

- Ngày 1 tháng 1 năm 2011: Đối xử quốc gia đầy đủ.

Như vậy, đến năm 2011, cạnh tranh trong hoạt động huy động vốn sẽ rất quyết liệt. Công nghệ hiện đại và trình độ quản lý cũng như tiềm lực tài chính dồi dào của ngân hàng nước ngoài sẽ là ưu thế cơ bản tạo ra sức ép cạnh tranh trong toàn ngành ngân hàng và buộc các ngân hàng VN phải tăng thêm vốn, và đầu tư kỹ thuật, cải tiến phương pháp quản trị, hiện đại hoá hệ thống thanh toán để nâng cao khả năng hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh.

- Vấn đề tham gia cổ phần:

Cam kết của VN trong tiến trình hội nhập WTO về các hình thức pháp lý của tổ chức tín dụng nước ngoài hoạt động tại VN là đầy đủ và không bị hạn chế, ở cả loại hình NHTM và tổ chức tín dụng phi ngân hàng. Đối với việc góp vốn dưới hình thức mua cổ phần, tổng số cổ phần được phép nắm giữ bởi các thể nhân và pháp nhân nước ngoài tại mỗi NHTM cổ phần của VN không được vượt quá 30% vốn điều lệ của ngân hàng, trừ khi luật pháp của VN có quy định khác hoặc được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền của VN.

- Điều kiện để thành lập một chi nhánh của một NHTM nước ngoài tại VN: Ngân hàng mẹ có tổng tài sản có trên 20 tỷ USD vào cuối năm trước thời điểm nộp đơn. Điều kiện để thành lập một ngân hàng liên doanh hoặc một ngân hàng 100% vốn nước ngoài: Ngân hàng mẹ có tổng tài sản có trên 10 tỷ USD vào cuối năm trước thời điểm nộp đơn.

- Một chi nhánh NHTM nước ngoài không được phép mở các điểm giao dịch khác ngoài trụ sở chi nhánh của mình, nhưng không có hạn chế về số lượng các chi nhánh.

Vì vậy, xây dựng những chuẩn mực cho hệ thống NHTM VN một cách hiệu quả theo thông lệ quốc tế nhằm đảm bảo an toàn hoạt động, ngăn chặn và phòng ngừa hữu hiệu rủi ro trở thành yêu cầu cấp thiết đối với các NHTM VN hiện nay. Để thực hiện tốt điều này, các NHTM phải có chiến lược rõ ràng trong việc nâng cao nhận thức, lý luận về nguyên tắc, phương pháp quản trị rủi ro để nhận biết, đo lường, dự báo, kiểm soát rủi ro hiệu quả, đồng thời có chiến lược xây dựng các chuẩn mực này một cách rõ ràng, hữu ích, thống nhất, phù hợp với thực tiễn hoạt động của từng ngân hàng.

Hiện nay, vì quy mô hoạt động hiện nay của hệ thống ngân hàng ở nước ta chưa phải là ngân hàng quốc tế nên bước đầu tiên, cần phải xây dựng được một thước đo chuẩn hay các chuẩn mực để có thể đánh giá một cách chính xác và trở thành mục tiêu cho các ngân hàng phấn đấu. Sau đó, sẽ dần dần điều chỉnh các chỉ tiêu này lần lượt phù hợp và trùng khớp với các chỉ tiêu quốc tế khi chúng ta mở rộng quy mô hoạt động của mình.

Bảng 2: Một số chỉ tiêu và hoạt động ngân hàng giai đoạn 2006 – 2010

Tăng trưởng bình quân tín dụng (% năm)	18-20
Tỷ lệ an toàn vốn đến năm 2010 (%)	Không dưới 8
Tỷ lệ nợ xấu/ tổng dư nợ đến năm 2010 (%)	Dưới 5
Chuẩn mực giám sát ngân hàng đến năm 2010	Chuẩn mực quốc tế Basel I
Dự trữ quốc tế tối thiểu đến 2010	12 tuần nhập khẩu

Nguồn: Theo quyết định 112/2006/QĐ-TTg

Căn cứ để án phát triển ngành ngân hàng đến 2010 và định hướng đến 2020, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt lộ trình liên quan đến hiệp ước Basel và vận dụng các chuẩn mực Basel trong công tác thanh tra, giám sát hoạt động ngân hàng, một mặt đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn đạt mức từ 8% trở lên, mặt khác xây dựng chuẩn mực giám sát theo Basel I.

Trên cơ sở những phân tích định tính và định lượng về hoạt động của các NHTM VN, những khó khăn mà ngân hàng VN có thể gặp phải nếu áp dụng theo chuẩn mực Basel II chính là vấn đề về chi phí, về trình độ nguồn nhân lực, về hệ thống văn bản hướng dẫn cũng như là vấn đề về việc Ngân hàng VN chưa đủ điều kiện đáp ứng theo qui định nghiêm ngặt của ủy ban Basel.

Giải pháp đề xuất

Để từng bước xây dựng được chuẩn mực cho hoạt động của hệ thống NHTM VN trong giai đoạn hội nhập và toàn cầu hoá hiện nay, một số giải pháp đề xuất bao gồm:

1. Lựa chọn phương pháp và lộ trình phù hợp:

Hiện nay, hầu hết các quốc gia trong khu vực châu Á đều đã lựa chọn một lộ trình áp dụng phù hợp với hệ thống NHTM của mình trên cơ sở xem xét khả năng và các yếu tố nền tảng như hệ thống cơ sở dữ liệu, hệ thống công nghệ thông tin, sự phát triển của các thị trường nền tảng và tính chuyên nghiệp trong việc thực hiện các hoạt động ngân hàng. Nếu lựa chọn một phương pháp quá hiện đại trong khi nền tảng về cơ sở hạ tầng chưa đủ sẽ tạo ra một hiệu ứng ngược, làm tăng rủi ro trong hoạt động của cả hệ thống NHTM trong khi các rủi ro khác vẫn còn tiềm ẩn.

Trong điều kiện của VN hiện nay, hệ thống cơ sở dữ

liệu phục vụ cho quá trình phân tích và đánh giá rủi ro là một trong những khó khăn lớn, bên cạnh đó còn thiếu các văn bản hướng dẫn, thiếu các điều kiện tiên quyết về tính chủ động trong mỗi ngân hàng cũng như khó khăn về mặt chi phí, cho nên cần thận trọng xem xét việc ứng dụng những chuẩn mực theo tiêu chuẩn Basel II.

2. Xây dựng chuẩn mực về an toàn vốn:

Trong giai đoạn này, hệ thống ngân hàng VN có thể tiếp tục lựa chọn phương án 1 theo hiệp ước Basel I vì đây là phương án tương đối đơn giản và chúng ta cũng đã quen thuộc trong thời gian qua. Điều còn lại là thanh tra và ngân hàng nhà nước cần yêu cầu chính thức bằng văn bản pháp lý để các ngân hàng thực hiện nhằm nâng cao chất lượng hoạt động cũng như lành mạnh hoá hoạt động cạnh tranh theo xu hướng hội nhập.

Như vậy, vấn đề xây dựng và tuân thủ chuẩn mực về an toàn vốn cũng là một trong những yêu cầu bắt buộc để lành mạnh hoá thị trường tài chính VN trong thời gian tới nhằm quản lý tốt hơn các tổ chức tài chính nước ngoài hoạt động tại VN.

3. Xây dựng chuẩn mực nhằm đánh giá rủi ro cho từng nhóm sản phẩm dịch vụ ngân hàng:

• Nhóm sản phẩm tín dụng

Theo Basel II, rủi ro tín dụng được đo lường bởi 3 phương pháp: phương pháp chuẩn, phương pháp IRB và phương pháp A-IRB.

Đối với VN hiện nay, các tỷ lệ quy định như cho vay đối với khách hàng không vượt quá 15% vốn tự có hay đưa vào một số đối tượng hạn chế cho vay, đối tượng không được phép cho vay cũng nhằm hạn chế phần nào rủi ro tín dụng. Tuy nhiên, những quy định này phần nào vẫn tương đối cứng nhắc và chưa thực sự thuyết phục, nhất là đối với mô hình các tập đoàn, các công ty đa quốc gia hiện nay; cũng như vẫn còn những khe hở mà có thể dẫn đến rủi ro rất lớn (đã từng xảy ra thời gian vừa qua). Vì vậy, việc xem xét đưa vào các chỉ tiêu định lượng phù hợp hơn cũng là điều cần thiết. Có rất nhiều phương pháp Basel II đưa ra để các ngân hàng có thể lựa chọn. Trong điều kiện thị trường chứng khoán ở VN ngày càng phát triển, thì việc áp dụng những phương pháp này sẽ không còn là điều xa lạ và quá khó khăn nữa.

Ngoài ra, sự phát triển nhanh chóng các khoản cho vay bất động sản cũng là điều rất đáng quan tâm, bởi lẽ nó gắn liền với những vụ phá sản ngân hàng lớn trên thế giới, và ở VN điều này cũng không là ngoại lệ. Vì vậy, việc quy định hệ số rủi ro riêng cho hoạt động này là điều cần thiết. Hệ số rủi ro đối với loại hình này theo Basel II ngoài những yếu tố thông thường kể trên thì còn phụ thuộc vào sự đa dạng hoá về mặt địa lý (sự phân bố đều bất động sản ở nhiều vùng khác nhau), các tài sản đảm bảo khoản vay hay sự an toàn về phía người mua và người bán bất động sản, các sản phẩm phái sinh từ hoạt động

cho vay bất động sản (như chứng khoán nợ REITs gắn liền với bất động sản, hoán đổi lãi suất, Caps, hoán đổi tiền tệ...) cũng như hệ số LTV (Loan-to-value Ratios).

- Nhóm sản phẩm dịch vụ thanh toán

Các sản phẩm dịch vụ thanh toán như thẻ & các phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt được coi là một trong những ưu tiên phát triển của hệ thống ngân hàng VN hiện nay bởi vì so với các sản phẩm dịch vụ khác thì loại hình dịch vụ này thực hiện tương đối đơn giản hơn, ít rủi ro hơn và có thu nhập ổn định hơn. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng nếu không có các chỉ tiêu thích hợp về tỷ lệ dự trữ bắt buộc, dự trữ thanh toán cũng như an toàn đối với lĩnh vực thẻ ngân hàng, bảo mật thông tin... thì hoạt động ngày cũng có thể dẫn đến rủi ro rất lớn cho hệ thống ngân hàng. Có thể minh chứng từ sự việc kẻ gian đột nhập vào hệ thống cơ sở dữ liệu của các ngân hàng lớn trên thế giới để lấy cắp thông tin và rút tiền với số lượng lớn cũng đủ cho thấy tính phức tạp khi kinh doanh loại hình này.

- Nhóm sản phẩm phái sinh

Bên cạnh các chỉ tiêu tài chính, chỉ tiêu đo lường về rủi ro tín dụng, thanh khoản, tỷ giá... thì các chỉ tiêu đo lường rủi ro khác cũng cần được nghiên cứu và đưa vào áp dụng. Chẳng hạn như việc phát triển các sản phẩm phái sinh hay danh mục sản phẩm phát sinh trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của ngân hàng là một phần của nguyên nhân gia tăng rủi ro, nhưng ghi nhận và đánh giá các rủi ro này như thế nào cũng là một vấn đề không đơn giản. Theo Mackay (1995), thì rủi ro phát sinh từ các sản phẩm phái sinh không phải chỉ là một loại rủi ro duy nhất, mà nó bao gồm cả rủi ro tín dụng, rủi ro thanh toán, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, rủi ro hoạt động và thậm chí là rủi ro pháp lý. Rất nhiều hợp đồng phái sinh yêu cầu các bên tham gia phải duy trì được một hệ số xếp hạng tín dụng tương đối cao.[1]

- Danh mục đầu tư của ngân hàng trên thị trường quốc tế

Đối với danh mục đầu tư của ngân hàng, khái niệm rủi ro thị trường là rất đáng quan tâm. Khái niệm này vẫn được duy trì từ Basel I, được hiểu như là rủi ro phát sinh từ chỉ tiêu trong và ngoài bảng cân đối kế toán do sự thay đổi giá cả thị trường. Thường được gắn liền với giá trị giao dịch trên sổ sách của các loại chứng khoán nợ và chứng khoán vốn, tỷ giá hối đoái và các loại hàng hoá có rủi ro [2]. Rủi ro thị trường thông thường được đo lường bởi VAR (Value-at-risk) theo phương pháp chuẩn và phương pháp mô hình nội bộ.

4. Xây dựng cơ chế giám sát phối hợp:

Nhằm đáp ứng được những chuẩn mực khắt khe liên quan đến quy trình quản trị rủi ro theo Hiệp ước Basel, cần phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước VN, Bộ tài chính, tổ chức bảo hiểm tiền

gửi DIV và Ủy ban chứng khoán nhà nước. Điều này được thực hiện thông qua việc xây dựng những cơ chế giám sát phối hợp cũng như cơ chế trao đổi thông tin liên tục. Đồng thời, cơ chế này cũng hỗ trợ việc gắn kết trong hoạt động của các tổ chức tài chính nói chung và các NHTM nói riêng.

5. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực:

Vấn đề thường gặp phải không riêng đối với VN, mà với hầu hết các nền kinh tế mới nổi nói chung đó là không có đủ đội ngũ chuyên viên có chất lượng cao để phục vụ trong cả khu vực công và khu vực tư. Những chuyên viên này cần có một sự am hiểu sâu rộng về các vấn đề kinh tế vĩ mô, kế toán, tài chính cũng như có khả năng phân tích cả định tính lẫn định lượng, khả năng kiểm tra định lượng, dự báo, đánh giá và quản trị rủi ro. Trong thời gian sắp tới, vấn đề này cần được cải thiện cấp bách để tạo nên sự ổn định an toàn cần thiết cho hoạt động của khu vực tài chính.

Nhằm đáp ứng kịp thời cho những nhu cầu về nhân lực trước mắt, cần có sự phối hợp liên thông giữa Ngân hàng Nhà nước VN, các NHTM trong hệ thống cùng với các chuyên gia nhiều kinh nghiệm từ ngân hàng BIS khu vực châu Á. Các tổ chức này có thể phối hợp với các đơn vị liên quan thường xuyên tổ chức các khoá đào tạo và bồi dưỡng kiến thức cập nhật để nâng cao năng lực đánh giá, đo lường, phân tích, kiểm soát rủi ro tín dụng cho cán bộ nhân viên. Theo lời khuyên của các chuyên gia về quản trị rủi ro tín dụng thì sẽ không có phương pháp phân tích phức tạp nào có thể thay thế được kinh nghiệm và đánh giá chuyên môn của những người phụ trách trong lĩnh vực quản trị rủi ro.

Ngoài ra, cần xây dựng chiến lược đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực trung và dài hạn có đủ khả năng đón đầu phát triển hệ thống NHTM VN trong thời gian tới. Thực hiện việc hợp tác với các tổ chức tài chính - tiền tệ quốc tế để tận dụng nguồn vốn, kỹ thuật cũng như kỹ năng và kiến thức xử lý.

Chế độ ưu đãi cần thiết đối với những chuyên viên, cán bộ trong lĩnh vực ngân hàng cũng cần được quan tâm. Tránh để xảy ra tình trạng "chảy máu chất xám" trong điều kiện VN hiện nay. Đồng thời nâng cao đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm của cán bộ ngân hàng.

Đối với các ngân hàng cần có trung tâm đào tạo được trang bị hiện đại, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ sở đào tạo trong ngành ngân hàng. Chương trình đào tạo phải thiết thực, cụ thể nhằm trau dồi, nâng cao kỹ năng nghiệp vụ của ngân hàng hiện đại. Tiêu chuẩn hoá đội ngũ cán bộ làm công tác hội nhập quốc tế, nhất là những cán bộ trực tiếp tham gia vào quá trình đàm phán, ký kết hợp đồng quốc tế, cán bộ thanh tra giám sát và cán bộ chuyên trách làm công tác pháp luật quốc tế, cán bộ sử dụng và vận hành công nghệ mới.

Ngoài ra, một giải pháp cũng tương đối khả thi trong việc tạo điều kiện tiếp cận kiến thức mới cho các chuyên gia ngân hàng đó chính là Ngân hàng Nhà nước sẽ chủ động trong việc đặt hàng nhiều đề tài nghiên cứu với sự tham gia phối hợp của những người có kinh nghiệm thực tế và những người am hiểu lý thuyết. Sự phối hợp này sẽ tạo ra một sản phẩm có chất lượng, có ý nghĩa tham khảo cho hầu hết các ngân hàng.

6. Tăng tính chủ động và sức mạnh tài chính cho các NHTM:

Phương án then chốt trong việc tăng sức mạnh tài chính cho các NHTM là giảm bớt số lượng những tổ chức tài chính nhỏ, không đáp ứng nhu cầu vốn tối thiểu, tăng cường số lượng các ngân hàng có quy mô vốn lớn, hoạt động hiệu quả thông qua đề án tái cơ cấu các NHTM VN. Có thể thực hiện được điều này thông qua một số giải pháp như:

Trước hết, thực hiện tăng vốn tự có của các ngân hàng bằng lợi nhuận giữ lại, cho phép và khuyến khích các ngân hàng phát hành cổ phiếu, trái phiếu huy động vốn dài hạn trên thị trường chứng khoán sơ cấp. Đồng thời tạo tính thanh khoản cho các công cụ tài chính trung và dài hạn trên thị trường chứng khoán thứ cấp thông qua việc thành lập hoặc tham gia chợ đầu mối chứng khoán thứ cấp.

Thứ hai, nhanh chóng xử lý dứt điểm nợ tồn đọng và làm sạch bảng cân đối. Xây dựng cơ chế ngăn chặn sự gia tăng của nợ xấu mới. Chính phủ cần có biện pháp đồng bộ giữa quá trình tái cơ cấu ngân hàng với cải cách các doanh nghiệp thông qua cơ chế đủ minh bạch để xác định quyền chủ nợ và nghĩa vụ đích danh của người đi vay là các doanh nghiệp nhà nước trước khi cổ phần hóa hoặc thay đổi quan hệ sở hữu.

Thứ ba, củng cố và phát triển hệ thống NHTM cổ phần theo hướng tăng cường năng lực tài chính và quản lý, đồng thời giải thể, sáp nhập, hợp nhất hoặc bán lại các NHTM cổ phần yếu kém về hiệu quả kinh doanh.

Thứ tư, mở cửa thị trường trong nước trên cơ sở xoá bỏ dần các giới hạn về số lượng, loại hình tổ chức, phạm vi hoạt động, tỷ lệ góp vốn của nước ngoài, đảm bảo quyền kinh doanh của các ngân hàng và tổ chức tài chính nước ngoài theo các cam kết đa phương và song phương.

7. Nâng cấp cơ sở hạ tầng tài chính:

Các thị trường tài chính đóng vai trò quan trọng giúp hệ thống NHTM bổ sung nguồn thông tin xác định mức độ rủi ro, hỗ trợ cho việc sử dụng các mô hình định lượng phân tích và dự báo rủi ro. Vì vậy, trong thời gian tới Chính phủ và các Bộ ban ngành cần phối hợp phát triển thị trường vốn theo hướng tạo điều kiện đa dạng hóa các chủ thể tham gia, các công cụ và phương thức giao dịch trên thị trường, đặc biệt là các sản phẩm phái sinh, công cụ phòng ngừa rủi ro. Đồng thời hỗ trợ tổ chức tín dụng

phát hành các giấy tờ có giá có độ an toàn cao, bao gồm cả các loại trái phiếu niêm yết trên thị trường tập trung.

Riêng đối với Ngân hàng Nhà nước, tiếp tục hoàn thiện các chính sách, quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý, điều hành thị trường tiền tệ theo hướng mở rộng quyền tiếp cận thị trường và khả năng phát hành các công cụ tài chính có mức độ rủi ro thấp, trong đó khuyến khích một số ngân hàng thương mại lớn có đủ điều kiện và năng lực trở thành thành viên chủ đạo, có vai trò kiến tạo trên các thị trường tiền tệ, đặc biệt là thị trường tiền tệ phái sinh.

Phát triển thị trường chứng khoán theo hướng tăng số lượng, chủng loại hàng hóa tham gia trên thị trường. Thực hiện tốt yêu cầu minh bạch và công khai hóa thông tin đối với mọi nhà đầu tư. Có những quy định chặt chẽ và xử lý nghiêm những tổ chức cá nhân thực hiện đầu cơ và tạo giá trên thị trường.

Xu hướng tự do hóa tài chính và các giao dịch tài chính là một trong những yếu tố quan trọng góp phần nâng cấp cơ sở hạ tầng tài chính tại VN hiện nay. Xem xét và bãi bỏ những rào cản pháp luật, những quy định không cần thiết gây cản trở quá trình đầu tư của các nhà đầu tư nước ngoài.

Tóm lại, NHTM là một loại hình doanh nghiệp đặc biệt kinh doanh về tiền tệ với hoạt động đa dạng: huy động vốn, cho vay, chiết khấu, bảo lãnh, cho thuê tài chính, bao thanh toán, kinh doanh ngoại tệ, đầu tư hùn vốn liên doanh, .. và cung cấp các dịch vụ tài chính. Vì vậy, những chuẩn mực để đánh giá và giám sát hoạt động của các tổ chức này cần được nghiên cứu một cách nghiêm túc và phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh cụ thể. Chúng ta không thể áp dụng rập khuôn mọi điều ước quốc tế để đánh giá hoạt động của cả một hệ thống ngân hàng VN, nhưng cũng không thể nào chối bỏ hoàn toàn để xây dựng một luật lệ riêng, một sân chơi riêng. Công việc trước mắt của chúng ta, có lẽ là cần khẩn trương xây dựng được hệ thống chuẩn mực phù hợp, sau đó áp dụng những chuẩn mực này vào việc giám sát hoạt động và cơ cấu lại các NHTM của VN. Đồng thời định hướng các ngân hàng cạnh tranh theo xu hướng hội nhập với việc tận dụng tối đa và triệt để những kênh phân phối hiện tại ■

Chú thích

- [1] Mackay, Robert J (1995), "Derivatives and Systematic risk: Issues, Views and Analysis".
[2] Benton E.Gup, "Overview of the Amendment to the Capital Accord to Incorporate Market Risks" (1996)

Tài liệu tham khảo:

- Basel Committee on Banking Supervision's
- Benton E.Gup, "Overview of the New Basel Capital Accord", April 2003
- Benton E.Gup "Overview of the Amendment to the Capital Accord to Incorporate Market Risks" (1996)
- Mackay, Robert J (1995) "Derivatives and Systematic risk: Issues, Views and Analysis"
- Nguyễn Thị Thủy Linh, Luận văn thạc sĩ "Ứng dụng hiệp ước an toàn vốn Basel trong quản trị rủi ro của hệ thống NHTM VN", hướng dẫn khoa học: PGS.TS Trần Hoàng Ngân.